

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN LĂNG

Số: 58/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Văn Lăng, ngày 09 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng (quý I) năm 2026 trên địa bàn xã Văn Lăng

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Văn Lăng về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026 xã Văn Lăng;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Văn Lăng về việc phân bổ kinh phí ngân sách năm 2026;

Thực hiện Công văn số 3073/STC- TH&QLNS ngày 05/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện công khai ngân sách cấp xã;

Ủy ban nhân dân xã Văn Lăng công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng (quý I) năm 2026 trên địa bàn xã Văn Lăng, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

(Có biểu số 54, 55, 56.1 và thuyết minh chi tiết kèm theo)

II. Hình thức công khai

Công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh xã và Cổng thông tin điện tử xã Văn Lăng

III. Thời điểm công khai

Thời điểm công khai bắt đầu từ khi Thông báo này được ký.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý sách nhà nước 03 tháng (quý I) trên địa bàn xã Văn Lăng.

Nơi nhận:

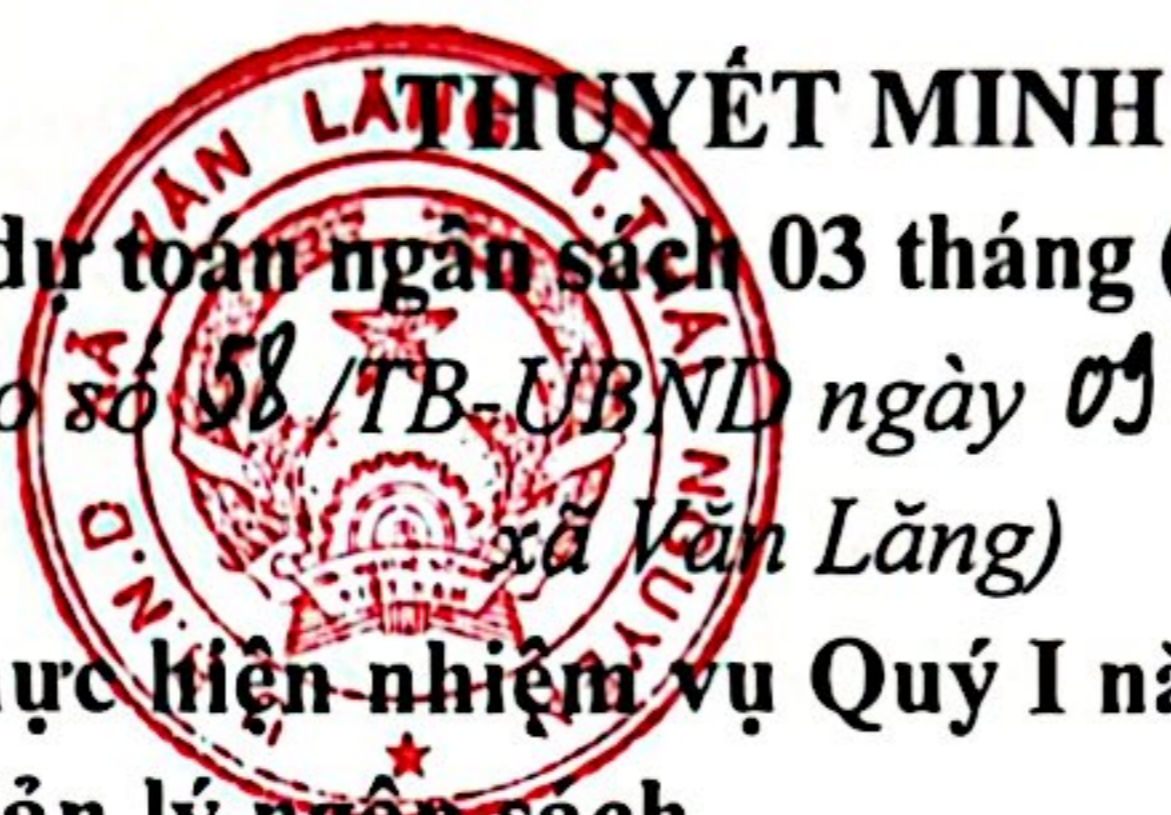
- UBND xã Văn Lăng;
- Các phòng, ban, đoàn thể xã;
- Cổng thông tin điện tử xã Văn Lăng;
- Lưu: VT, KT.

Da

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hà Quang Trọng



Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng (quý I) xã Văn Lãng năm 2026
(Kèm theo Thông báo số 58/TB-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Văn Lãng)

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ Quý I năm 2026

1. Lĩnh vực quản lý ngân sách

- Thực hiện giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026; đồng thời chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện kế hoạch thu ngân sách năm 2026 ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch thu ngân sách xã 2026.

- Thực hiện xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030, kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước khu vực VII – phòng giao dịch số 02 thực hiện công tác đối chiếu, lập báo cáo quyết toán ngân sách năm 2025 đảm bảo chính xác theo đúng quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc các nhà thầu tăng cường thực hiện hoàn thành các dự án dở dang đảm bảo theo tiến độ. Đối với các dự án mới, tập trung phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thiện quy trình thủ tục hồ sơ theo quy định để đấu thầu triển khai thi công đảm bảo khối lượng để thực hiện giải ngân vốn đầu tư đạt kế hoạch giải ngân vốn đầu tư năm 2026.

- Giao cơ quan chuyên môn hướng dẫn các đơn vị dự toán ngân sách xã thực hiện thu, chi ngân sách, năm 2026 theo quy định của pháp luật;

- Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2026. Thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 theo đúng quy định.

2. Về cân đối ngân sách xã trên địa bàn:

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 1,884 tỷ đồng, đạt 62,2 % dự toán được giao.

Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện 1,436 tỷ đồng đạt 53,5% tỷ lệ dự toán được giao.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 18,523 tỷ đồng, bằng 18,3 % dự toán giao.

3. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 1,884 tỷ đồng, đạt 62,2 % dự toán được giao.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 0,631 tỷ đồng (đạt 81,6 % dự toán giao).

+ Thuế thu nhập cá nhân: 0,109 triệu đồng (đạt 51,9 % dự toán giao)

+ Lệ phí trước bạ: 0,291 tỷ đồng (đạt 27,8 % dự toán giao)

+ Thu phí, lệ phí: 0,065 tỷ đồng (đạt 41,1 % dự toán giao)

+ Các khoản thu về nhà đất: 0,735 tỷ đồng (đạt 138,7 % dự toán giao)

+ Thu khác ngân sách: 0,053 tỷ đồng (đạt 17% dự toán giao)

4. Về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng chi ngân sách ước thực hiện: 18,523 tỷ đồng, bằng 18,3% dự toán giao, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 0 tỷ đồng bằng 0 % dự toán giao.

+ Chi thường xuyên: 18,523 tỷ đồng bằng 19,1% dự toán giao.

STT					
A	B	C	D	E	F
A	TỔNG THU NSNS TRÊN ĐỊA BÀN	3.029	12,3%	3.029	12,3%
I	Thu nội địa	1.077	35,6%	1.077	35,6%
II	Thu từ các tỉnh				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
IV	Thu khác				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	100.980	51,3%	100.980	51,3%
I	Chi NSĐP được hưởng theo phân cấp	2.681	4,3%	2.681	4,3%
II	Chi NSĐP NSĐP hưởng 100%	2.058	2,1%	2.058	2,1%
III	Chi NSĐP tỷ lệ % (phần NSĐP hưởng 20%)				
IV	Chi NSĐP phân cấp theo NSĐP hưởng 10%	0.524	0,1%	0.524	0,1%
V	Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên	96.204	90,0%	96.204	90,0%
VI	Chi NSĐP của đối tượng đặc	56.733	55,3%	56.733	55,3%
VII	Chi NSĐP theo mức tiêu	11.521	11,4%	11.521	11,4%
VIII	Chi NSĐP dự trữ tài chính				
IX	Chi NSĐP				
X	Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển				
XI	Chi từ nguồn đóng góp				
C	TỔNG CHI NSĐP	100.980	18,5%	100.980	18,5%
I	Chi ngân sách địa phương	100.980	18,5%	100.980	18,5%
II	Chi đầu tư phát triển	0	0,0%	0	0,0%
III	Chi thường xuyên	99.134	18,5%	99.134	18,5%
IV	Chi khác				
V	Chi NSĐP				
VI	Chi NSĐP				
VII	Chi NSĐP				
VIII	Chi NSĐP				
IX	Chi NSĐP				
X	Chi NSĐP				



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 58/TB-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Văn Lăng)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3,029	1,884	1,884	62,2%	
I	Thu nội địa	3,029	1,884	1,884	62,2%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	100,986	51,476	51,476	51,0%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2,682	1,436	1,436	53,5%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2,058	1,319	1,319	64,1%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	0,624	0,117	0,117	18,8%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	98,304	50,040	50,040	50,9%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	66,733	16,683	16,683	25,0%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	31,571	33,357	33,357	105,7%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang					
VI	Thu từ nguồn đóng góp					
C	TỔNG CHI NSDP	100,986	18,523	18,523	18,3%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	100,986	18,523	18,523	18,3%	
1	Chi đầu tư phát triển	2,125	-	-	0,0%	
2	Chi thường xuyên	97,134	18,523	18,523	19,1%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	1,727	-	-	0,0%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					

Handwritten signature



STT		Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý 1	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A		1	2	3	4=3/1	5
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Handwritten signature or initials.

1	Chi dự án					
2	Chi dự án vốn					
3	Chi dự án vốn nhà nước ngoài nước					
4	Chi dự án vốn kinh tế ngoài quốc doanh					
5	Chi dự án vốn cá nhân					
6	Chi dự án vốn xã hội					
7	Chi dự án vốn khác					
8	Chi dự án vốn khác					
9	Chi dự án vốn khác					
10	Chi dự án vốn khác					
11	Chi dự án vốn khác					
12	Chi dự án vốn khác					
13	Chi dự án vốn khác					
14	Chi dự án vốn khác					
15	Chi dự án vốn khác					
16	Chi dự án vốn khác					
17	Chi dự án vốn khác					
18	Chi dự án vốn khác					
19	Chi dự án vốn khác					
20	Chi dự án vốn khác					
21	Chi dự án vốn khác					
22	Chi dự án vốn khác					
23	Chi dự án vốn khác					
24	Chi dự án vốn khác					
25	Chi dự án vốn khác					
26	Chi dự án vốn khác					
27	Chi dự án vốn khác					
28	Chi dự án vốn khác					
29	Chi dự án vốn khác					
30	Chi dự án vốn khác					
31	Chi dự án vốn khác					
32	Chi dự án vốn khác					
33	Chi dự án vốn khác					
34	Chi dự án vốn khác					
35	Chi dự án vốn khác					
36	Chi dự án vốn khác					
37	Chi dự án vốn khác					
38	Chi dự án vốn khác					
39	Chi dự án vốn khác					
40	Chi dự án vốn khác					
41	Chi dự án vốn khác					
42	Chi dự án vốn khác					
43	Chi dự án vốn khác					
44	Chi dự án vốn khác					
45	Chi dự án vốn khác					
46	Chi dự án vốn khác					
47	Chi dự án vốn khác					
48	Chi dự án vốn khác					
49	Chi dự án vốn khác					
50	Chi dự án vốn khác					



ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 58/TB-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Văn Lăng)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3,029	1,884	1,884	62,2%	
I	Thu nội địa	3,029	1,884	1,884	62,2%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0,773	0,631	0,631	81,6%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	0,21	0,109	0,109	51,90%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	0,158	0,065	0,065	41,1%	
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	<i>1,046</i>	<i>0,291</i>	<i>0,291</i>	<i>27,8%</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	0,53	0,735	0,735	138,7%	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	0,029	0,007	0,007	24,1%	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	0,321	0,074	0,074	23,1%	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	0,18	0,654	0,654	363,3%	
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biên					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biên					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	0,312	0,053	0,053	17,0%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					

Handwritten signature or initials.



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2,682	1,436	1,436	53,5%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	0,624	0,117	0,117	18,8%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2,058	1,319	1,319	64,1%	

[Handwritten signature]

IV	Thuế thu nhập cá nhân					
V	Các khoản thu khác					
VI	Chi trả nợ lãi					
VII	Chi thường xuyên	1,134				
	Trên địa phương					
	- Chi trả nợ lãi	62,941				
	- Chi mua sắm hàng hóa, vật tư, dụng cụ, phương tiện	1,134				
	- Chi mua sắm hàng hóa, vật tư, dụng cụ, phương tiện	1,134				
VIII	Chi chi trả					
IX	Chi viết lách					
X	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
XI	Dự phòng ngân sách nhà nước	1,277				
XII	Chi chi trả tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp					
XIII	Các khoản chi khác					
XIV	CHI TIỀN NGUYÊN SẮC SỬ DỤNG CỤ MỨC TIỂU TIỀN NSTW CHO NSDP					
	Chi trả tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp, tiền nghỉ phép					
	Chi mua sắm hàng hóa, vật tư, dụng cụ, phương tiện					
	Chi mua sắm hàng hóa, vật tư, dụng cụ, phương tiện					
	Chi mua sắm hàng hóa, vật tư, dụng cụ, phương tiện					



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 21/TB-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Văn Lăng)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý I	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	100,986	18,523	18,523	18,3%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	100,986	18,523	18,523	18,3%	
I	Chi đầu tư phát triển	2,125	0,000	0,000	0,0%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2,125	0,000	0,000	0,0%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	97,134	18,523	18,523	19,1%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	62,097	11,501	11,501	18,5%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,416	-	-	0,0%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1,727			0,0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	0	0	0		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

(Handwritten signature)